

Bản án số: 307/2025/HS-ST
Ngày: 16/6/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Giáo
- Ông Trần Văn Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quế (kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao); bà Huỳnh Thị Lệ T (kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong ngày 16/6/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 335/2025/HSST ngày 24/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 2690/2025/QĐXXST-HS ngày 21/5/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đình N**; sinh ngày 04/7/1981 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang (trước đây là ấp X, xã X, huyện T, tỉnh An Giang); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn N1 (đã chết) và bà Cao Thị Kim H; vợ tên Nguyễn Thị Trúc L; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số 22/2011/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2016 và đã hoàn thành nghĩa vụ các án phí và phần dân sự liên quan (bl.263 -270a).

Bắt, tạm giam: 09/01/2025;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông **Trần Thanh S**; sinh năm 1970; nơi cư trú: 6 lầu B đường N, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2. Ông **Nguyễn Hoàng V**; sinh năm 1976; nơi cư trú: 948 đường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Ông **Nguyễn Chính N2** (Việt kiều Úc); sinh năm 1968; tạm trú tại: H H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

4. Ông **Nguyễn Hữu H1**; sinh năm 1972; nơi cư trú: A N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Việt S1 là cổ đông và là người điều hành, quản lý vũ trường Metropolis tại số C đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Để quản lý vũ trường, S1 đã sử dụng một số đối tượng không nghề nghiệp, có tiền án, tiền sự, trong đó có bị cáo Lê Đình N làm bảo vệ vũ trường và làm vệ sĩ cho S1. Mục đích là để khi có xảy ra mâu thuẫn với người khác hoặc băng nhóm xã hội thì S1 chỉ đạo các đối tượng này dùng hung khí (dao, mã tấu) tấn công gây thương tích cho họ. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/01/2001 đến ngày 02/10/2001, theo sự chỉ đạo của S1, Như đã cùng đồng bọn gây ra 02 vụ án có ý gây thương tích, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đêm ngày 08/01/2001, rạng sáng ngày 09/01/2001, ông Trần Thanh S và ông Nguyễn Hoàng V đến vũ trường Metropolis để chơi. Tại đây, ông S gặp S1 và nhờ S1 tìm người có tên là K để đòi tiền. Do lúc đó đông khách nên S1 tỏ thái độ không hài lòng với ông S. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 09/01/2001, ông S và ông V lấy xe máy trong bãi giữ xe của vũ trường để ra về thì S1 nắm cổ áo ông S kéo giật ra phía sau, dẫn đến việc đôi bên cãi vã với nhau. Sau đó, ông S sử dụng xe máy chở 02 bạn gái (chưa rõ lai lịch), còn ông V cũng dùng xe máy chở 01 bạn gái (chưa rõ lai lịch) đi về. Do còn bức tức nên S1 bảo Lê Đình N, Lâm Tấn N3, Lê Hà Đăng Q, Lê Quốc B, Nguyễn Quang M, Phạm Văn G, Kha Phú D, Lê Hoàng A đuổi theo ông S và ông V để đánh dần mặt. Cả bọn đi 4 xe máy, N chở N3, Q đi xe một mình, B chở M và G, D chở A chạy đuổi theo ông S và ông V. Khi đến khu vực cổng Bệnh viện P trên đường C, Quận A thì cả nhóm đuổi kịp ông S và ông V, Như lái xe ép xe ông S vào lề đường, buộc ông S phải xuống xe. Sau đó, N và N3 xuống xe dùng tay, chân đánh ông S. Ông S bỏ chạy và kêu “V chạy đi”. N3 đuổi theo ông S, dùng dao bấm đâm sượt khuỷu tay ông S, ông S tiếp tục bỏ chạy, thoát thân. Ông V nghe thấy tiếng ông S kêu thì điều khiển xe quay lại. Thấy vậy, N cũng điều khiển quay xe lại đuổi đánh ông V. Khi thấy N đang đánh nhau với ông V thì A, G xông vào dùng tay đánh ông V, còn M dùng chai thủy tinh đập trúng vào đầu và vai của ông V. Khi ông V bỏ chạy đến cuối đường C

(giáp ngã ba đường N - C) thì Như đuổi kịp, lao vào vật ngã ông V, Q xông vào dùng dao lê (dao găm) đâm vào lưng ông V khoảng 1-2 nhát. Do không đuổi kịp ông S nên N3 quay lại chỗ ông V và dùng dao bấm đâm 4-5 nhát vào đùi phải của ông V. Lúc này, có tiếng người kêu “Công an tới” nên cả bọn bỏ chạy và quay lại cổng Bệnh viện P để lấy xe máy. Cùng lúc này, bảo vệ Bệnh viện P cầm súng (súng công cụ hỗ trợ) chạy đến nên N3 và Q đã vứt dao tại hiện trường vụ án. Trong lúc cả bọn đuổi đánh ông S và ông V thì D và B ngồi trông xe máy cho đồng bọn. Khi thấy đồng bọn quay lại thì tất cả lấy xe đi về vũ trường M1 kể lại cho S1 nghe việc đã đánh ông S và V.

Sau khi sự việc xảy ra, ông V được đưa vào bệnh viện cấp cứu và điều trị.

Sáng ngày 09/01/2001, ông S đến Công an Thành phố H trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 con dao lê tại khu vực ở sát hàng rào cửa phòng khám dịch vụ của Bệnh viện P (là con dao Q đã sử dụng làm hung khí đánh nhau và vứt lại tại hiện trường vụ án). Đối với con dao bấm mà N3 sử dụng để đâm ông V, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu được.

Tại Bản giám định y pháp số 856/TT.02 ngày 17/6/2002 của Tổ chức giám định pháp y - Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H kết luận: Ông Nguyễn Hoàng V có vết thương phần mềm tạo sẹo đầu 2,2x02cm, vết thương ở lưng 2,5x0,6cm, thất lưng 3,2cm, đùi phải 01cm - 05cm - 03cm và 07x01cm; vẫn còn tê vùng thất lưng, mông phải, ổn định; tỷ lệ thương tật là 09% vĩnh viễn (bl.147).

Còn thương tích mà N và đồng bọn gây ra cho ông S là không đáng kể nên ông S không đi giám định.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 29/01/2001, sau khi hết giờ làm việc tại vũ trường M, Hồ Việt S1 làm quen và rủ 01 cô gái trong vũ trường có tên là T1 (không rõ lai lịch) đi chơi. T1 đồng ý. S1 dùng xe máy Spacy mang biển số 52H-9898 chở T1 đi chơi. Thấy vậy, các đối tượng Kha Phú D, Lê Hà Đăng Q, Lê Quốc B, Lê Đình N, Lê Hoàng A và Châu Hữu N4 (là bạn của D) đi theo Sử để bảo vệ. Cả nhóm điều khiển 03 xe máy (Q chở B, Như chở A, D chở N4) đi cách sau xe của Sử khoảng 30m. Khi xe của S1 lưu thông trên đường N đến khu vực trước khách sạn N6 thì ông Nguyễn Chinh N2 (Việt kiều Úc) điều khiển xe máy Suzuki Sport màu đỏ (chở chị Lê Ngọc T2 ngồi phía sau) vượt lên phía trước xe của S1. Từ sự việc đã nêu dẫn đến việc ông S1 và ông Nguyễn Chinh N2 cãi nhau. Khi đi đến Ngã 6 P, S1 điều khiển xe chặn đầu và ép xe của ông Nguyễn Chinh N2 dừng lại. Khi xe của ông N2 bị ngã nghiêng tại đầu đường L, S1 và ông Nguyễn Chinh N2 cùng xuống xe và xông vào đánh nhau bằng tay không. Đúng lúc này, ông Nguyễn Hữu H1 (là em trai của ông N2) vừa đi xe taxi đến, ông H1 xuống xe, cùng với ông Nguyễn Chinh N2 đánh nhau với S1. Khi hai bên đang đánh nhau thì nhóm đàn em của S1 đi đến, Q và N điều khiển xe máy đâm thẳng vào ông N2 nhưng không trúng. Sau đó, Q, B, N, A xuống xe xông vào đánh ông H1 và ông N2, còn D và Châu Hữu

N4 đứng trông xe. Trong lúc đánh nhau, ông N4 bỏ chạy, còn ông H1 thì chạy đến một quán ăn trên đường N lấy 02 con dao Thái Lan (dao thái thức ăn) và quay trở lại. Sử thấy ông H1 cầm dao nên hô hoán “Đánh chết mẹ nó cho tao”. Nghe tiếng Sử hô hoán, Như đã lấy 01 mã tấu đưa cho A, còn Q lấy con dao nhọn tự chế (mang theo sẵn) cầm trên tay. A và Q cùng xông về phía ông H1 theo hướng vòng cung khép lại để đánh nhau với ông H1. Thấy vậy, ông H1 ném con dao về phía A nhưng không trúng ai. A và Q cùng xông vào, Q dùng dao đâm 01 nhát vào lưng ông H1, A dùng mã tấu chém 01 nhát trúng vào lưng và 01 nhát trúng vào tay của ông H1. Khi ông H1 bị ngã gục và có nhiều người đến thì S1 và đồng bọn bỏ chạy. Ông H1 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện. Trước khi bỏ chạy, S1 đã ra lệnh cho B lấy xe máy của ông Nguyễn Chinh N2 mang về. B dùng xe máy của ông Nguyễn Chinh N2 chở Châu Hữu N4 về nhà chị Lâm Xuân L1 (bạn gái của S1 ở nhà số E T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) và để xe tại đây. Còn các đối tượng D, A, Quang N5 tiếp tục đi xe máy theo Sử để bảo vệ. Khi S1 và T1 vào khách sạn T4, đường V thì cả bọn kéo nhau về nhà L1 cất dao và mã tấu. Sau đó, S1 chỉ đạo đàn em vứt bỏ dao và mã tấu.

Đến sáng ngày 29/01/2001, S1 bảo D mang chiếc xe của ông Nguyễn Chinh N2 nộp cho Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan điều tra đã truy tìm các dao và mã tấu do S1 và đồng phạm đã sử dụng làm hung khí gây án nhưng không tìm thấy.

Tại Công văn số 70/GT.02 ngày 29/5/2002 của Tổ chức giám định pháp y - Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H, kết luận về thương tích của ông Nguyễn Hữu H1 như sau: Vết thương đứt gân gấp nông và sâu ngón 2 tay phải; vết thương phần mềm ở lưng và cạnh xương cụt; tỷ lệ thương tật khoảng từ 10% đến 14%;

Tại văn bản số 10/GT.03 ngày 03/3/2003, Tổ chức giám định pháp y - Pháp y tâm thần, Sở Y tế Thành phố H có xác định: Tỷ lệ thương tật của ông Nguyễn Hữu H1 là 12% (bl.140, 142).

Còn thương tích mà N5 và đồng bọn gây ra cho ông N2 là không đáng kể nên ông N2 không đi giám định.

Sau khi gây án và bị khởi tố, Như bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định truy nã và Tạm đình chỉ điều tra đối với N5.

Ngày 05/9/2010, N5 có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” nên ngày 27/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (bản án số 22/2011/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2016 và đã hoàn thành nghĩa vụ các án phí và phần dân sự liên quan. Tuy nhiên, trong lần bị truy cứu trách nhiệm hình sự vừa nêu, cơ quan tiến hành tố tụng không phát hiện được việc bị cáo đang bị truy nã nên không xử lý. Đến ngày 09/01/2025 thì N5 bị bắt theo Lệnh truy nã.

Trong quá trình điều tra còn xác định được: Vào ngày 05/02/2001, ở tại khu vực trước nhà số A đường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Như đã tham gia giúp sức cho Lâm Tấn N3 dùng mã tấu chém ông Phạm Trung T3 dẫn đến hậu quả làm ông T3 bị thương tích 15% vĩnh viễn (bl.135). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về hành vi vừa nêu. Tính từ ngày 05/9/2010 đến ngày 09/01/2025 là gần 15 năm nên theo quy định tại Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015 thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Như về hành vi phạm tội thực hiện ngày 05/02/2001. Do vậy, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N5 về hành vi gây thương tích cho ông Phạm Trung T3.

Đối với Hồ Việt S1, Lâm Tấn N3, Lê Hà Đăng Q, Lê Hoàng A, Phạm Văn G, Kha Phú D, Lê Quốc B và Nguyễn Quang M: Đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo Bản án số hình sự sơ thẩm số 1015/HSST ngày 24/6/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 2613/HSPT ngày 15/11/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các đối tượng đã nêu đề đã chấp hành xong hình phạt, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý (bl.202 - 229).

Đối với vật chứng thu giữ: Đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 1015/HSST ngày 24/6/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 121, 122; 202 đến 221).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án “Hồ Việt S1 cùng đồng bọn cố ý gây thương tích xảy ra năm 2001 tại quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”, Hồ Việt S1 (thay mặt các bị cáo) bồi thường cho ông H1 40.000.000đ; ông V và ông T3 không yêu cầu bồi thường dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/6/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phiên tòa phúc thẩm mở ngày 15/11/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bị hại đều vắng mặt nên Tòa án các cấp đã tách phần dân sự, dành quyền khởi kiện cho các bị hại được khởi kiện theo thủ tục dân sự. Nhưng đến nay, không có thông tin về kết quả giải quyết.

Hiện tại, ông V và ông H1 không yêu cầu bị cáo N5 bồi thường. Những người liên quan là Hồ Việt S1, Lâm Tấn N3, Lê Hoàng A, Phạm Văn G, Kha Phú D, Nguyễn Quang M không yêu cầu bị cáo N5 phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại H1; các đối tượng Lê Quốc B và Lê Hà Đăng Q thì đã chết)(bl.728, 729, 738, 739, 754,755).

Tại bản cáo trạng số 5131/VKSTC-V2 ngày 22/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bị cáo bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Áp dụng điểm điểm c, đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

-Xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

-Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ nhất với bị hại, bị cáo đã có hành vi cùng đồng bọn dùng hung khí nguy hiểm tấn công, gây thương tích cho các bị hại, hành vi có tính chất côn đồ và mang tính có tổ chức, cụ thể như sau:

Vào ngày 09/01/2001, theo sự chỉ đạo của Hồ Việt S1, bị cáo đã cùng các đối tượng Lâm Tấn N3, Lê Hà Đăng Q, Lê Quốc B, Nguyễn Quang M, Phạm Văn G, Kha Phú D, Lê Hoàng A dùng chân tay đánh và dùng dao nhọn đâm ông S và ông V. Theo kết quả giám định của Cơ quan pháp y thì tỷ lệ thương tật mà N5 và các đối tượng liên quan gây ra cho ông V là 09% vĩnh viễn.

Vào ngày 29/01/2001, Như đã cùng các đối tượng Hồ Việt S1, Kha Phú D, Lê Hà Đăng Q, Lê Quốc B, Lê Đình N, Lê Hoàng A và Châu Hữu N4 dùng chân tay, dao nhọn, mã tấu tấn công ông Nguyễn Chính N2, gây thương tích cho ông Nguyễn Chính N2 và ông Nguyễn Hữu H1. Theo kết quả giám định của Cơ quan pháp y thì tỷ lệ thương tật mà N và các đối tượng liên quan gây ra cho ông Nguyễn Hữu H1 là 11% vĩnh viễn.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, xâm phạm đến an toàn công cộng. Bị cáo là người có năng lực

trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý vi phạm.

[4]. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật vào thời điểm vi phạm, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, với hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù; còn đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (đang có hiệu lực thi hành) thì bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, với hình phạt từ 02 đến 06 năm tù (là nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999). Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, cần kết án bị cáo theo điểm c, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Đối với việc bị cáo có hành vi giúp sức cho Lâm Tấn N3 dùng mã tấu gây thương tích cho ông Phạm Trung T3 vào ngày 05/02/2001, ở khu vực trước nhà số A đường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, với tỷ lệ thương tật 15%: Hành vi có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (là tội phạm nghiêm trọng). Tuy nhiên, sau khi xảy ra sự việc, Cơ quan điều tra đã không ra Quyết định khởi tố bị can đối với Như về hành vi này. Tính từ thời điểm ngày 05/9/2010 (thời điểm bị cáo có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã bị khởi tố xét xử) đến thời điểm bị cáo bị bắt giữ (ngày 09/01/2025) là đã quá 10 năm. Theo quy định tại Điều 27 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Như về hành vi tham gia gây thương tích cho ông T3. Do vậy, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Như về hành vi tham gia gây thương tích cho ông T3 là có căn cứ.

[6]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người giữ vai trò giúp sức cho đồng bọn gây thương tích cho các bị hại, không trực tiếp gây thương tích cho các bị hại, mức độ nguy hiểm của hành vi là có hạn chế.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình có 03 con nhỏ. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Trong hồ sơ không thể hiện việc có yêu cầu bồi thường. Do vậy, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tách phần dân sự liên quan để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với vật chứng: Đã được giải quyết theo bản án hình sự sơ thẩm số 1015/HSST ngày 24/6/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm c, đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Xử phạt bị cáo **Lê Đình N 03** (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2025.

2. Tách phần dân sự liên quan để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22) (8)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân